

Bản án số: 358/2017/HSST

Ngày: 25/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ THÁI NGUYÊN – TỈNH THÁI NGUYÊN

Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng.

2. Ông Trần Xuân Viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - cán bộ TAND T phố Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 342/2017/HSST ngày 08/9/2017, đối với các bị cáo:

1. Đào Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22/7/1970.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 16, phường Hoàng Văn Thụ, T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ 25, phường Phan Đình P H, T phố Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Đào Văn Thảo (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1936. Hiện ở tại tổ 16, phường Hoàng văn Thụ, T phố Thái Nguyên; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 4; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: 01: Bản án số 256 ngày 19/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Đào Văn T 15 năm tù giam, phạt bổ sung 20 triệu đồng sung quỹ nhà nước, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm x khoản 3 Điều 185đ/BLHS. (Tại bản án số 234 ngày 23/02/2000 Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm: giữ nguyên án sơ thẩm) (T chưa chấp hành phần hình phạt bổ sung).

- Tiền sự: Không có.

- Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42 ngày 17/3/1994 Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt Đào Văn T 09 tháng tù giam về tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48 ngày 19/3/1994, Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt Đào Văn T 09 tháng tù giam về tội “Tổ

chức dùng chất ma túy”.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148 ngày 18/10/1995, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái xử phạt Đào Văn T 09 tháng tù giam về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án (số 42 ngày 17/3/1994 và số 48 ngày 19/3/1994) buộc T phải chấp hành hình phạt chung của 3 bản án là 27 tháng tù giam.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không có; sinh ngày 30 tháng 7 năm 1970; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, phường Túc Duyên, T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn Tính (đã chết); Con bà: Hà Thị Mơ, sinh năm 1946. Hiện ở tại tổ 4, phường Túc Duyên, T phố Thái Nguyên; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 3; Chưa có vợ, con;

- Tiền án:

+ Tại Bản án số 185 ngày 25/11/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái xử phạt 6 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án HSPT số 401 ngày 27/3/1996 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định y án sơ thẩm, tài sản trị giá trên 2 triệu đồng; Ngày 27/02/2000 chấp hành xong hình phạt tù).

+ Bản án HSST số 198 ngày 27/12/2000 của Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn H 48 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản 18.030.000 đồng; Ngày 02/6/2004 chấp hành xong hình phạt tù).

+ Bản án HSST số 182 ngày 15/8/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt H 8 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Ngày 27/4/2012 chấp hành xong án phạt tù)

+ Bản án số 456 ngày 27/11/2012 của Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt H 30 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (giá trị tài sản 2.600.000 đồng; Ngày 02/3/2015 thi hành xong phần án phí).

- Tiền sự: Không có.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71 ngày 27/10/1990 của Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn H 9 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”.

+ Tại Bản án số 58 ngày 29/7/1991 của Tòa án nhân dân T phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn H 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án số 39 ngày 27/11/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái xét xử phúc thẩm quyết định: Giữ nguyên án sơ thẩm).

+ Tại Bản án số 13 ngày 23/2/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Thái xử phạt H 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Đàm Văn M, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tóc Lù, xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền lợi của đương sự: (do bị hại mời)

Ông Trần Trọng S – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Hữu Trọng, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (do anh M mời). Vắng mặt.

Người Làm Chứng:

1. Đàm Văn T, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tóc Lù, xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 27, phường Phan Đình P H, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Nguyễn M Hưng, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, phường Hương S, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1945. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, phường Gia Sàng, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 27/8/2016, Nguyễn Văn S (Sinh năm: 1970; Trú quán: Tổ 27, phường Phan Đình P H, T phố Thái Nguyên) cùng Nguyễn Văn H và Đào Văn T đi trên 1 xe ô tô BKS: 29V – 1199 của S, do S điều khiển đi đến T tâm Đào tạo lái xe Đắc T thuộc địa phận xóm Tân Đức, xã Thịnh Đức, T phố Thái Nguyên để đòi nợ anh Nguyễn Xuân Phúc (Phó giám đốc T tâm) nhưng anh Phúc không có mặt ở T tâm. Khi đến nơi, S dừng xe ở ngoài khu vực cổng của T tâm rồi cả ba xuống xe đi bộ đến đứng ở ngoài khu vực phòng thi lý thuyết tìm anh Phúc nhưng không thấy thì quay ra chửi ông Nguyễn Đắc T (Sinh năm: 1945, là giám đốc T tâm, bố đẻ của anh Phúc) để đòi nợ. Sau đó, T đi ra khu vực cửa phòng thi gặp và làm quen với anh Đàm Văn M (sinh năm: 1985; Trú quán: Thôn Tóc Lù, xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; là học viên của T tâm). S đi lên khu nhà ở của gia đình ông T để tìm anh Phúc. H đi lại ở sân khu văn phòng và khu thi lý thuyết của T tâm thì bị rơi mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo của H lúc nào không biết. Khi phát hiện ra bị rơi điện thoại, H nói lại với T, S rồi cả 3 đi xung quanh đó để tìm nhưng không thấy. Khi đó anh M đang đi bộ từ khu vực thi lý thuyết sang khu vực thi thực hành. Thấy vậy, H nghi ngờ anh M là người đã nhặt được điện thoại nên H đi theo anh M đến khu vực hàng rào gần bờ ao thì gọi anh M lại và hỏi anh M có nhặt được điện thoại của H thì cho H xin nhưng anh M trả lời không nhặt được. H một tay tóm cổ áo anh M, một tay lấy 01 chiếc búa lưỡi rìu, cán gỗ, bọc nilon dài 40cm mang theo từ trước giờ lên dọa chém anh M. Anh M sợ nên đứng im không phản ứng gì. Cùng lúc đó, S và T đi đến nơi có bảo anh M nếu nhặt được điện thoại thì trả lại cho H. Anh M vẫn khẳng định không nhặt được. Ngay lập tức, H tóm cổ áo anh M lôi xuống khu vực bờ ao ngay gần đó vì H nói nhìn thấy M đi từ bờ ao lên, vừa đi vừa tháo sim nên yêu

cầu anh M đến khu vực đó tìm điện thoại trả lại cho H, S và T cũng đi cùng. Tại đây, T hỏi anh M “bây giờ mày định thế nào?”. Anh M trả lời là không nhặt được điện thoại thì T tắt anh M 02 cái vào mặt. H một tay cầm chiếc búa (có đặc điểm nêu trên), một tay lục soát người của anh M lấy từ trong túi quần sau của anh M đang mặc ra 01 ví giả da rồi lấy từ trong ví số tiền 3.000.000 đồng đưa cho T đang đứng cạnh đó. Tiếp đó, H tiếp tục lục soát túi quần trước của anh M lấy ra 02 chiếc điện thoại di động đưa cho T. Anh M sợ bị đánh nên buộc phải đứng im cho H và T lục soát người lấy ví tiền và điện thoại. Sau đó, H và T lại yêu cầu anh M cởi giày, vén áo để kiểm tra nhưng vẫn không thấy chiếc điện thoại của H bị mất. Trong khi thực hiện việc lấy tiền từ trong ví của anh M, T hỏi H về giá trị của chiếc điện thoại H mất là bao nhiêu. H nói với T chiếc điện thoại đó khi mua mới có giá 2.800.000 đồng. Vì vậy, T giữ lại 2.500.000 đồng còn trả lại cho anh M 01 tờ 500.000 đồng. Anh M không nhặt được điện thoại của H nhưng vì H trên tay cầm chiếc rìu và có lời nói đe dọa anh, T trước đó đã tắt anh 02 cái nên anh sợ và buộc phải để cho T lấy số tiền đó. Còn S khi đó đang đi tìm sim và chiếc điện thoại cho H cách chỗ T, H, anh M khoảng 5m. Sau đó, T gọi mọi người đi về. Số tiền trên T chưa đưa cho H mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Anh M sau khi bị chiếm đoạt số tiền nêu trên đã trình báo Công an xã Thịnh Đức, T phó Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, H và T không thừa nhận việc đánh, đe dọa anh M để lấy tiền. H cho rằng H biết việc T lấy tiền của anh M nhưng không biết T có đe dọa hoặc dùng vũ lực gì với anh M không. T cho rằng việc lấy số tiền 2.500.000 đồng của anh M là do anh M tự nguyện đưa cho T để mua điện thoại khác trả cho H. Nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng...đủ căn cứ để xác định T và H đã có hành vi như nêu trên và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đó.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 2.500.000 đồng do T giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phó Thái Nguyên. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh M quản lý, sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, màn hình cảm ứng, màu đen do anh Nguyễn M Hưng (SN: 1980; TQ: Tổ 09, phường Hương S, T phó Thái Nguyên) giao nộp. Anh Hưng xác định đây là chiếc điện thoại anh nhặt được ở khu vực cửa ra vào phòng Đào tạo của T tâm Đào tạo lái xe Đắc T. Khi nhặt được chiếc điện thoại anh Hưng để trên bàn uống nước của phòng Đào tạo khoảng 30 phút nhưng không có ai nhận nên anh Hưng đã mang về để sử dụng. Trên đường đi anh đã tháo 01 chiếc sim trong điện thoại vứt đi ở khu vực đường tròn Đồng Quang. Hiện không thu giữ được chiếc sim đó.

01 chiếc búa lưỡi rìu, cán gỗ, cán bọc nilon dài 40cm.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung I1 màu xanh.

Hiện số vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự T phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 359/KSĐT-KT ngày 07 tháng 9 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân T phố Thái Nguyên đã truy tố Đào Văn T và Nguyễn Văn H về tội: “Cướp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm tình tiết: “Sử dụng... phương tiện nguy hiểm...”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm c, d Khoản 2 Điều 133, điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Điều 20, 53, 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 8 đến 9 năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/4/2017.

- Áp dụng: Điểm c, d Khoản 2 Điều 133, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 8 đến 9 năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/6/2017.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về dân sự: Tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu, đề nghị nào khác đối với các bị cáo nên không xem xét.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:

- Tạm giữ 03 chiếc điện thoại thu giữ của T và H để đảm bảo thi Hành án cho các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa lưỡi rìu cán gỗ dài khoảng 40cm.

Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của VKS. Bị cáo chỉ xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo Đào Văn T đề nghị xem xét đối với Nguyễn Văn S vì S có mặt khi H, T đánh và lấy tiền của anh M, chính S là người đã lấy ví của anh M đưa cho T. Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Quá trình điều tra bị cáo H, T đã được cho đối chất với S, S khẳng định không tham gia đánh, đe dọa anh M và không lấy ví của anh M. Người bị hại không khẳng định việc S lấy ví của mình hay không, vì vậy không có căn cứ để xem xét hành vi của S.

Căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 27/8/2016, tại khu vực bờ ao của T tâm Đào tạo lái xe Đắc T thuộc xóm Tân Đức, xã Thịnh Đức, T phố Thái Nguyên, do Đào Văn T và Nguyễn Văn H có nghi ngờ anh Đàm Văn M là người nhặt được chiếc điện thoại di động mà H làm rơi trước đó nên T và H đã kéo anh M đến vị trí nêu trên để hỏi anh M. Anh M không nhặt được chiếc điện thoại của H nên mặc dù T và H hỏi nhiều lần anh vẫn khẳng định không nhặt được. Do vậy, T đã có hành vi tát anh M 02 cái vào mặt, H có hành vi cầm chiếc búa lưỡi rìu (là loại hung khí nguy hiểm), dài khoảng 40cm giơ lên dọa đánh anh M. Sau đó, H tiếp tục có hành vi lục soát người anh M lấy từ trong túi quần sau của anh M đang mặc 01 chiếc ví giả da rồi lấy số tiền 3 triệu đồng trong ví đưa cho T, lấy từ trong túi quần phía trước anh M đang mặc ra 02 chiếc điện thoại di động đưa cho T. T cầm số tiền, điện thoại đó nhưng do anh M xin nên T trả lại cho anh M 01 tờ 500.000 đồng và 02 chiếc điện thoại, còn lại 2.500.000 đồng T cầm và chi tiêu hết. Do bị đe dọa và bị đánh nên anh M sợ hãi buộc phải để T và H lấy đi số tiền đó.

Hiện số tiền 2.500.000 đồng T đã giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố Thái Nguyên để trả lại cho anh M quản lý, sử dụng. Anh M đã nhận lại và không có yêu cầu gì về phần tài sản.

Trong vụ án này, Đào Văn T và Nguyễn Văn H tham gia đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Viện kiểm sát nhân dân T phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc...làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) ...;

c) Tái phạm nguy hiểm;

d, Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo thấy: Bị cáo Đào Văn T có 01 tiền án về tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo chưa có tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn H đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Trong quá trình điều tra, các bị cáo khai báo không T khẩn, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo đã T khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Đào Văn T sau khi phạm tội đã bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. Cả hai bị cáo không

phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu, đề nghị nào khác đối với các bị cáo nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không có việc làm và không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo 03 chiếc điện thoại di động, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo; 01 chiếc búa lưỡi rìu cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, theo lời khai của bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H thì Nguyễn Văn S là người đi cùng và có mặt tại nơi xảy ra sự việc và là người lấy ví của anh M đưa cho T, tại phiên tòa bị cáo H, T vẫn khẳng định S là người có mặt và trực tiếp lấy ví của anh M đưa cho T để T lấy tiền của M. Cũng tại phiên tòa anh Đàm Văn M không khẳng định được ai là người lấy ví từ túi quần của anh, anh chỉ nhìn thấy T cầm ví và lấy tiền của mình. Về nội dung này, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố Thái Nguyên tiếp tục điều tra để làm rõ hành vi của Nguyễn Văn S để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội: “Cướp tài sản”;

1. Áp dụng: Điểm c, d Khoản 2 Điều 133; Điểm b, g, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Văn T: **08** (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/4/2017.

2. Áp dụng: Điểm c, d Khoản 2 Điều 133; Điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: **08** (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 14/6/2017.

Áp dụng Điều 228 BLTTHS: Quyết định tạm giam các bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:

- Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, màn hình cảm ứng màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung I1, màu xanh thu giữ của bị cáo T, H, để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

án cho các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa lưỡi rìu, cán gỗ bọc nilon dài khoảng 40cm.

(tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 374 ngày 06/9/2017 giữa Công an TPTN với Chi cục THADS TP Thái Nguyên).

4. Án phí: Áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS TP Thái Nguyên;
- CATP Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp TN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS vụ án.

T/M- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn

ÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn

Nơi nhận:

- VKS TP Thái Nguyên;
- CATP Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp TN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS vụ án.

**T/M- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

ÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn

Nơi nhận:

- VKS TP Thái Nguyên;
- CATP Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp TN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu HS vụ án.

**T/M- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn

Nơi nhận:

- VKS TP Thái Nguyên;
- CATP Thái Nguyên;
- THADS TPTN;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu HS vụ án.

**T/M- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn

Nơi nhận:

- VKS TP Thái Nguyên;
- CA TP Thái Nguyên;
- THADS TPTN;

**T/M- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS vụ án.

Đặng Minh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuấn